

BỘ NỘI VỤ  
HỘI ĐỒNG THI  
CVCC NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số: 4411/HĐT

V/v thông báo danh mục tài liệu  
và hướng dẫn nội dung các môn thi

Kính gửi: .....

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP<sup>1</sup>, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP<sup>2</sup>, Thông tư số 06/2020/TT-BNV<sup>3</sup>, Quyết định số 488/QĐ-BNV<sup>4</sup> và Quyết định số 603/QĐ-HĐT<sup>5</sup>, Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023 thông báo danh mục tài liệu và hướng dẫn nội dung các môn thi trong kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023 do Bộ Nội vụ tổ chức (đính kèm theo).

Đề nghị Quý cơ quan thông báo nội dung Công văn này đến cán bộ, công chức, viên chức đăng ký dự thi để chủ động ôn tập./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Hội đồng thi CVCC năm 2023;
- Ban giám sát kỳ thi CVCC năm 2023;
- Công thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**THỦ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
Nguyễn Duy Thăng**

<sup>1</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

<sup>2</sup> Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

<sup>3</sup> Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

<sup>4</sup> Quyết định số 488/QĐ-BNV ngày 07/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023.

<sup>5</sup> Quyết định số 603/QĐ-HĐT ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng thi về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023.



## DANH MỤC

**Tài liệu dùng cho việc xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án sử dụng trong kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023**  
(Kèm theo Công văn số 441/BNV-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thi)

### A. MÔN KIẾN THỨC CHUNG

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017.
3. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
5. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
6. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
7. Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (năm 2019).
8. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (năm 2015) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (năm 2019).
9. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.
10. Luật Phòng, chống tham nhũng (năm 2018).

11. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2015); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2020).

12. Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 123/2016/NĐ-CP.

13. Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ; Nghị định số 47/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ.

14. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP.

15. Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.

16. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 22/11/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

17. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

18. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

19. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

20. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

21. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017.

22. Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ quy định về tình giản biên chế.

23. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP.

24. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

25. Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

## **B. MÔN NGOẠI NGỮ**

### **I. Tiếng Anh**

#### **1.1. Hình thức, nội dung, thời gian thi môn ngoại ngữ**

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm
- Nội dung thi: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Tổng số câu hỏi: 30 câu
- Thời gian thi: 30 phút

#### **1.2. Dạng thức đề thi**

Đề thi bao gồm 03 phần, cụ thể như sau:

##### **Phần 1. Từ câu 1 đến câu 15**

Đọc 15 câu đơn lẻ, mỗi câu có 1 chỗ trống, chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án cho sẵn (dạng trắc nghiệm A, B, C, D) để điền vào chỗ trống.

##### **Phần 2. Từ câu 16 đến câu 20**

Đọc một bài khoảng 350 từ, có 10 câu hỏi liên quan đến thông tin trong bài đọc, mỗi câu kèm bốn phương án (dạng trắc nghiệm A, B, C, D). Trả lời mỗi câu hỏi bằng cách chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án cho sẵn.

##### **Phần 3. Từ câu 21 đến câu 30**

Bài đọc điền từ. Bài đọc dài khoảng 250 từ trong đó 10 chỗ bỏ trống. Mỗi chỗ trống được cung cấp 4 phương án cho trước (dạng trắc nghiệm A, B, C, D). Chọn phương án phù hợp nhất để điền vào chỗ trống.

#### **1.3. Nội dung ôn thi ngữ pháp**

##### **1. Tenses**

- Present time: Present simple, present continuous, present perfect simple, present perfect continuous.

- Past time: Past simple, past continuous, past perfect simple, past perfect continuous; would, used to/be/get used to

- Future time: Simple future, future continuous, future perfect, future perfect continuous.

2. Inversion, possessives

3. Gerund and Infinitive

4. Verb: -ing form or infinitive/prefer, would rather, had better, infinitives of purpose

5. Modals: ability, permission, advice, criticism, obligation and necessity, degree of certainty

6. Articles

- Indefinite article

- Definite article

7. Nouns

- Countable nouns

- Uncountable nouns.

- Quantifiers

8. Comparatives and superlatives of Adj and Adv

9. Phrasal verbs, adjectives, adverbs, prepositions

10. Relative clauses, particles

11. Conditions

- Zero conditional

- 1st conditional

- 2nd conditional

- 3rd conditional

- mixed, inverted/unless, in case, as/so long as, provided (that)

12. Passive voice

- Passive with present tenses: simple, continuous, perfect

- Passive with past tenses: simple, continuous, perfect

- Passive with future

- Passive with modals: can, could, may, must

- The causative, direct and indirect objects

13. Reported speech, reported questions, reporting verbs

14. Adverbial clauses

- Concession/ contrast: although, though, even though, in spite of, despite...

- Reason: because, since, as, because of, due to, owing to...

15. Questions, question tags, indirect questions.

## II. Tiếng Pháp

### 2.1. Hình thức, nội dung, thời gian thi môn ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm

- Nội dung thi: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu tiếng Pháp theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- Tổng số câu hỏi: 30 câu

- Thời gian thi: 30 phút

### 2.2. Dạng thức đề thi

Đề thi bao gồm 03 phần, cụ thể như sau:

#### Phần 1. Từ câu 1 đến câu 15

Đọc 15 câu đơn lẻ, mỗi câu có 1 chỗ trống, chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án cho sẵn (dạng trắc nghiệm A, B, C, D) để điền vào chỗ trống.

#### Phần 2. Từ câu 16 đến câu 20

Đọc một bài khoảng 350 từ, có 10 câu hỏi liên quan đến thông tin trong bài đọc, mỗi câu kèm bốn phương án (dạng trắc nghiệm A, B, C, D). Trả lời mỗi câu hỏi bằng cách chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án cho sẵn.

#### Phần 3. Từ câu 21 đến câu 30

Bài đọc điền từ. Bài đọc dài khoảng 250 từ trong đó 10 chỗ bỏ trống. Mỗi chỗ trống được cung cấp 4 phương án cho trước (dạng trắc nghiệm A, B, C, D). Chọn phương án phù hợp nhất để điền vào chỗ trống.

### 2.3. Nội dung ôn thi ngữ pháp

1. Les articles indéfinis et définis

2. Les noms comptables et les noms incomptables

3. Les noms concrets et abstraits

4. Les adjectifs et pronoms possessifs

5. Les temps

- Le présent et le présent continu
- Le passé simple, l'imparfait, le plus-que-parfait
- Le futur simple et le futur proche

6. Le gérondif

7. Le subjonctif

8. Le conditionnel

9. La comparaison et le superlatif

10. La voix active et la voix passive

11. Le discours direct et le discours indirect

Anh - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ - 15:05 16/08/2023 - Cao Tuấn Anh - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ - 15:05 16/08/2023



## HƯỚNG DẪN

**Nội dung các môn thi trong kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023**  
(Kèm theo Công văn số 441/BNV-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thi)

Thực hiện Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023; để thí sinh chuẩn bị thi và đạt kết quả tốt, Hội đồng thi hướng dẫn về nội dung các môn thi trong kỳ thi như sau:

### A. NỘI DUNG CÁC MÔN THI

#### 1. Môn kiến thức chung (môn điều kiện)

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính.

b) Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của công chức, viên chức theo yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi.

c) Thời gian thi: 60 phút.

#### 2. Môn ngoại ngữ (môn điều kiện)

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính.

b) Nội dung thi: 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của ngạch chuyên viên cao cấp.

c) Thời gian thi: 30 phút.

#### 3. Môn chuyên môn, nghiệp vụ

a) Thi viết đề án: người dự thi tự chọn chủ đề viết đề án có sự xác nhận của cơ quan cử thí sinh dự thi; thời gian tối đa viết đề án không quá 8 tiếng; được chấm với thang điểm 100.

b) Thi bảo vệ đề án: thời gian tối đa 30 phút; được chấm với thang điểm 100.



#### 4. Yêu cầu

a) Đối với 2 môn điều kiện: Mỗi môn thi phải có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên (trừ trường hợp miễn thi); nếu môn nào không đạt (từ 50% số câu hỏi trở lên) người dự thi sẽ không đủ điều kiện thi môn tiếp theo.

b) Môn chuyên môn, nghiệp vụ: cần phải đạt từ 100 điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên của mỗi bài thi); lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong trường hợp có cạnh tranh về chỉ tiêu.

#### B. HƯỚNG DẪN VIẾT VÀ BẢO VỆ ĐỀ ÁN

Để công chức, viên chức dự thi lựa chọn đề án, viết và bảo vệ đề án thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023, Hội đồng thi hướng dẫn cụ thể các nội dung như sau:

##### I. Yêu cầu đề án

1. Đề án phải có tính cấp thiết; tính đổi mới; mục tiêu cụ thể, rõ ràng; đánh giá được thực trạng vấn đề trong thực tiễn gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc ngành, lĩnh vực mà thí sinh công tác; đề xuất giải pháp (phương án) thiết thực, có tính khả thi giải quyết vấn đề; các kiến nghị, đề xuất.

2. Đề án có kết cấu hợp lý, logic, mạch lạc, có dẫn chứng, số liệu chính xác.

3. Nghiêm cấm sử dụng đề án của người khác, đề án đã có, đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được phê duyệt. Nếu phát hiện, công chức, viên chức dự thi sẽ bị chấm điểm 0 (không điểm).

##### II. Kết cấu đề án

Nội dung đề án bố cục theo các phần chính:

1. PHẦN MỞ ĐẦU: Phần này bao gồm các mục chính, như:

- Tên đề án;
- Sự cần thiết của đề án;
- Căn cứ xây dựng đề án;
- Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu của đề án.

2. PHẦN NỘI DUNG: Phần này bao gồm các mục chính, như:

- Phân tích thực trạng vấn đề;

- Đánh giá những ưu điểm (kết quả), nhược điểm (hạn chế), khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân;
- Đề xuất giải pháp (phương án) giải quyết vấn đề và điều kiện bảo đảm thực hiện;
- Đánh giá tác động khi thực hiện giải pháp (phương án) giải quyết vấn đề.

3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Nêu rõ nội dung và địa chỉ kiến nghị, đề xuất.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO: Gồm các tài liệu liên quan cần thiết, cập nhật.

### **III. Viết và bảo vệ đề án**

1. Người dự thi tự chọn chủ đề để viết đề án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc lĩnh vực công tác.

2. Đề án được viết trong thời gian không quá 08 tiếng.

3. Bảo vệ đề án: Người dự thi trình bày tóm tắt nội dung đề án đã viết và trả lời các câu hỏi của Ban chấm bảo vệ đề án. Thời gian bảo vệ đề án tối đa 30 phút.

### **IV. Những gợi ý chọn lĩnh vực để viết đề án**

1. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và công vụ, công chức;
2. Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường;
3. Quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế và đối ngoại;
4. Quản lý nhà nước về văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, du lịch;
5. Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo;
6. Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông;
7. Quản lý nhà nước về xây dựng, giao thông vận tải;
8. Quản lý nhà nước về kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, kiểm toán, ngân hàng;
9. Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, đô thị, biên giới, biển, hải đảo;
10. Quản lý nhà nước về lao động, việc làm, an sinh xã hội;
11. Quản lý nhà nước về hành chính, văn phòng, văn thư - lưu trữ và thi đua - khen thưởng;
12. Quản lý nhà nước về tư pháp; thanh tra, kiểm tra;
13. Quản lý nhà nước về các vấn đề xã hội;
14. Các chủ đề khác đáp ứng được yêu cầu của một đề án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc lĩnh vực công tác của thí sinh.



**DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN**

(Kèm theo Công văn số **4411** /HĐT ngày **10** tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thi)

TT	Danh sách đơn vị
1	Bộ Công Thương
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Bộ Giao thông Vận tải
4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
7	Bộ Ngoại giao
8	Bộ Nội vụ
9	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
10	Bộ Tài chính
11	Bộ Tài nguyên và Môi trường
12	Bộ Thông tin và Truyền thông
13	Bộ Tư pháp
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Bộ Xây dựng
16	Bộ Y tế
17	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
18	Thanh tra Chính phủ
19	Văn phòng Chính phủ
20	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
21	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
22	Đài Tiếng nói Việt Nam
23	Đài Truyền hình Việt Nam
24	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
25	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
26	Văn phòng Chủ tịch nước
27	Văn phòng Quốc hội
28	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
29	Đại học Quốc gia Hà Nội
30	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia
31	Ban Công tác Đại biểu
32	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
33	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
34	UBND tỉnh An Giang
35	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
36	UBND tỉnh Bạc Liêu

<b>TT</b>	<b>Danh sách đơn vị</b>
37	UBND tỉnh Bắc Giang
38	UBND tỉnh Bắc Kạn
39	UBND tỉnh Bắc Ninh
40	UBND tỉnh Bến Tre
41	UBND tỉnh Bình Dương
42	UBND tỉnh Bình Định
43	UBND tỉnh Bình Phước
44	UBND tỉnh Bình Thuận
45	UBND tỉnh Cà Mau
46	UBND tỉnh Cao Bằng
47	UBND thành phố Cần Thơ
48	UBND thành phố Đà Nẵng
49	UBND tỉnh Đắk Lắk
50	UBND tỉnh Đắk Nông
51	UBND tỉnh Điện Biên
52	UBND tỉnh Đồng Nai
53	UBND tỉnh Đồng Tháp
54	UBND tỉnh Gia Lai
55	UBND tỉnh Hà Giang
56	UBND tỉnh Hà Nam
57	UBND thành phố Hà Nội
58	UBND tỉnh Hà Tĩnh
59	UBND tỉnh Hải Dương
60	UBND thành phố Hải Phòng
61	UBND tỉnh Hậu Giang
62	UBND tỉnh Hòa Bình
63	UBND thành phố Hồ Chí Minh
64	UBND tỉnh Hưng Yên
65	UBND tỉnh Kiên Giang
66	UBND tỉnh Kon Tum
67	UBND tỉnh Khánh Hòa
68	UBND tỉnh Lai Châu
69	UBND tỉnh Lạng Sơn
70	UBND tỉnh Lào Cai
71	UBND tỉnh Lâm Đồng
72	UBND tỉnh Long An
73	UBND tỉnh Nam Định

<b>TT</b>	<b>Danh sách đơn vị</b>
74	UBND tỉnh Ninh Bình
75	UBND tỉnh Ninh Thuận
76	UBND tỉnh Nghệ An
77	UBND tỉnh Phú Thọ
78	UBND tỉnh Phú Yên
79	UBND tỉnh Quảng Bình
80	UBND tỉnh Quảng Nam
81	UBND tỉnh Quảng Ninh
82	UBND tỉnh Quảng Ngãi
83	UBND tỉnh Quảng Trị
84	UBND tỉnh Sóc Trăng
85	UBND tỉnh Sơn La
86	UBND tỉnh Tây Ninh
87	UBND tỉnh Thái Bình
88	UBND tỉnh Thái Nguyên
89	UBND tỉnh Thanh Hóa
90	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
91	UBND tỉnh Tiền Giang
92	UBND tỉnh Trà Vinh
93	UBND tỉnh Tuyên Quang
94	UBND tỉnh Vĩnh Long
95	UBND tỉnh Vĩnh Phúc
96	UBND tỉnh Yên Bái
97	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
98	Hội Luật gia Việt Nam
99	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
100	Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam